

Số: 3173/BC-ĐHK-T-PTCNL      Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

### I. THÔNG TIN CHUNG

|                             |                                                                         |
|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| Tên cơ sở giáo dục đại học  | ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                                   |
| Mã trường                   | KSA                                                                     |
| Mô hình tổ chức             | 01                                                                      |
| Loại hình sở hữu            | Công lập                                                                |
| Cơ quan quản lý trực tiếp   | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                                  |
| Trình độ đào tạo cao nhất   | Tiến sĩ                                                                 |
| Trường chuyên ngành đặc thù | Không                                                                   |
| Năm đi vào hoạt động        | 1976                                                                    |
| Địa chỉ trụ sở chính        | 59C Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh |
| Trang thông tin điện tử     | ueh.edu.vn                                                              |
| Địa chỉ email               | <a href="mailto:info@ueh.edu.vn">info@ueh.edu.vn</a>                    |
| Giám đốc đại học            | GS.TS. Sử Đình Thành                                                    |

#### 1. Giới thiệu tổng quan:

Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) được thành lập trên cơ sở hợp nhất Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (thành lập năm 1976), Trường Đại học Tài chính Kế toán TP. Hồ Chí Minh (thành lập năm 1976) và Khoa Kinh tế thuộc Trường Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, theo quyết định số 2819/GD-ĐT ngày 09/7/1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngày 10/10/2000, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg về việc thay đổi tổ chức của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, theo Quyết định này Trường Đại học Kinh tế thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tách ra thành Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngày 04 tháng 12 năm 2019, Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 4655/QĐ-BGDĐT về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ

Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long - Phân hiệu đầu tiên của UEH tại vùng châu thổ Đồng bằng sông Cửu Long.

Ngày 04 tháng 10 năm 2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1146/QĐ-TTg về việc chuyển Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh thành Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Từ thời điểm này, UEH chính thức trở thành 01 trong 07 cơ sở GDĐH tại Việt Nam hoạt động theo mô hình “Đại học đa ngành, bền vững”, đánh dấu bước tiến quan trọng trong quá trình phát triển của UEH. Bên cạnh Phân hiệu UEH tại Tỉnh Vĩnh Long, UEH đã chính thức thành lập 04 Trường thành viên thuộc UEH gồm:

- Trường Kinh doanh UEH
- Trường Kinh tế, Luật và Quản lý nhà nước UEH
- Trường Công nghệ và Thiết kế UEH
- Trường Tài năng UEH

Thông tin chi tiết trên cổng thông tin điện tử: <https://ueh.edu.vn/gioi-thieu/luoc-su>, <https://hotro.ueh.edu.vn/bai-viet/luoc-su-576>

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử: <https://hotro.ueh.edu.vn/bai-viet/co-so-truc-thuoc-580>

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của UEH. Thông tin chi tiết trên cổng thông tin điện tử: <https://ueh.edu.vn/gioi-thieu/su-mang-tam-nhin>, <https://ueh.edu.vn/en/about-us/mission-vision>

4. Các văn bản Chiến lược phát triển của UEH; Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác:

| Stt | TÊN VĂN BẢN                                                                                               | SỐ VĂN BẢN                                | ĐƯỜNG DẪN MINH CHỨNG                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Chiến lược, kế hoạch phát triển                                                                           |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|     | Chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 | 37/NQ-ĐHKT-HĐT                            | <a href="https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/d3446bea-b0d2-465a-9820-4fc89154f848/download">https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/d3446bea-b0d2-465a-9820-4fc89154f848/download</a>                                       |
| 2   | Quy chế tổ chức và hoạt động                                                                              |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|     | Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh                                          | 55/NQ-ĐHKT-HĐĐH ngày 28 tháng 12 năm 2024 | <a href="https://en.ueh.edu.vn/images/upload/editor/55.2024_NQ%20ban%20hanh%20Quy%20che%20To%20chuc%20va%20hoat%20dong%20UEH%202024.pdf">https://en.ueh.edu.vn/images/upload/editor/55.2024_NQ%20ban%20hanh%20Quy%20che%20To%20chuc%20va%20hoat%20dong%20UEH%202024.pdf</a> |
| 3   | Quy chế tài chính                                                                                         |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                             |

|   |                                                                                                                                                                                                                                      |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | Quy chế tài chính của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh                                                                                                                                                                         | 32/NQ-ĐHKT-HĐĐH    | <a href="https://en.ueh.edu.vn/images/upload/editor/90f9494a0be5f2bf02a9c6577f394554_32.2024_NQ ve viec ban hanh Quy che Tai chinh 2024.pdf">https://en.ueh.edu.vn/images/upload/editor/90f9494a0be5f2bf02a9c6577f394554_32.2024_NQ ve viec ban hanh Quy che Tai chinh 2024.pdf</a> |
| 4 | Quy chế dân chủ                                                                                                                                                                                                                      |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|   | Quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh                                                                                                                                                           | 58/NQ-ĐHKT-HĐĐH    | <a href="https://en.ueh.edu.vn/images/upload/editor/58.2024_NQ ban hanh Quy che thuc hien dan chu tai UEH.pdf">https://en.ueh.edu.vn/images/upload/editor/58.2024_NQ ban hanh Quy che thuc hien dan chu tai UEH.pdf</a>                                                             |
| 5 | Danh mục vị trí việc làm                                                                                                                                                                                                             |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|   | Đề án vị trí việc làm trong Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025                                                                                                                                             | 20/NQ-ĐHKT-HĐT     | <a href="https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/dfc20a2c-de56-4397-b0ae-6531ee845485/download">https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/dfc20a2c-de56-4397-b0ae-6531ee845485/download</a>                                               |
| 6 | Quy định về công tác cán bộ, nhân sự                                                                                                                                                                                                 |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|   | Quy chế về việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức, người lao động Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh                                                                              | 1783/QC-ĐHKT-QTNL  | <a href="https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/8d8c715b-93b4-4fe9-8a49-a88842c99861/download">https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/8d8c715b-93b4-4fe9-8a49-a88842c99861/download</a>                                               |
|   | Quy định xử lý kỷ luật và trách nhiệm bồi thường của viên chức, người lao động Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh                                                                                                                | 1238/QyĐ-ĐHKT-TCHC | <a href="https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/7e954273-0ce6-4b8c-bb72-f2eaa4a89509/download">https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/7e954273-0ce6-4b8c-bb72-f2eaa4a89509/download</a>                                               |
|   | Quy chế tuyển dụng viên chức Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh                                                                                                                                                                  | 23/QĐ-ĐHKT-HĐT     | <a href="https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/fc01cc3e-f3c0-40ac-b27d-01d8ac4ea3ad/download">https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/fc01cc3e-f3c0-40ac-b27d-01d8ac4ea3ad/download</a>                                               |
|   | Quy chế về việc nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc đối với viên chức, người lao động Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh                                                                                     | 3395/QC-ĐHKT-QTNL  | <a href="https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/23176fd6-8226-4fdd-a2c0-325cd4db4149/download">https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/23176fd6-8226-4fdd-a2c0-325cd4db4149/download</a>                                               |
|   | Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ và miễn nhiệm đối với viên chức, người lao động giữ chức vụ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh | 50/NQ-ĐHKT-HĐT     | <a href="https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/c516669e-1c45-4f9a-a93b-19e1464aeb44/download">https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/c516669e-1c45-4f9a-a93b-19e1464aeb44/download</a>                                               |
|   | Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh                                                                                                                                          | 2128/QC-ĐHKT-QTNL  | <a href="https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/e7da9b10-15f9-43cc-b806-be9e7fcc434d/download">https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/e7da9b10-15f9-43cc-b806-be9e7fcc434d/download</a>                                               |
| 7 | Quy định, chính sách về bảo đảm chất lượng                                                                                                                                                                                           |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|   | Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng                                                                                                                                                                                            | 3795/QĐ-           | <a href="https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/15f9-43cc-b806-be9e7fcc434d/download">https://hemis-cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/15f9-43cc-b806-be9e7fcc434d/download</a>                                                                 |

|  |                                                                        |               |                                                                                                                                                                                                                   |
|--|------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Bảo đảm chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh | ĐHKT-ĐBCLPTCT | <a href="https://cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/a6f8208f-ef41-4f9e-9b3e-a096b26147b7/download">cms.moet.gov.vn/gwdev/file/v5/FileObject/public/a6f8208f-ef41-4f9e-9b3e-a096b26147b7/download</a> |
|--|------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

| Stt | Chỉ số đánh giá                                | Năm 2024 |
|-----|------------------------------------------------|----------|
| 1   | Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên        | 39.9%    |
| 2   | Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động | 72.66 %  |
| 3   | Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ           | 44.14 %  |

*Số liệu theo báo cáo chuẩn giáo dục đại học trên HEMIS*

### 2. Đội ngũ giảng viên và tham gia trợ giảng toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

| Stt | Chỉ số                                                                                       | Đại học | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Tổng số | Kèm theo                                    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------|---------|---------|---------------------------------------------|
| 1   | Số giảng viên toàn thời gian                                                                 | 112     | 360     | 373     | 845     | Phụ lục Giảng viên trợ giảng toàn thời gian |
| 2   | Số giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động                                                  | 14      | 256     | 344     | 614     |                                             |
| 3   | Số giảng viên toàn thời gian có chỗ làm việc riêng biệt (diện tích tối thiểu 6m2/giảng viên) | 88      | 272     | 272     | 632     |                                             |

*Số liệu theo báo cáo chuẩn giáo dục đại học trên HEMIS*

### 3. Đội ngũ chia theo cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên hỗ trợ

| Stt | Cán bộ quản lý, Giảng viên, Nhân viên | Tổng số    | Trong đó   |                  |          |
|-----|---------------------------------------|------------|------------|------------------|----------|
|     |                                       |            | Nữ         | Dân tộc thiểu số |          |
|     |                                       |            |            | Tổng số          | Nữ       |
|     | <b>Tổng số</b>                        | <b>954</b> | <b>449</b> | <b>11</b>        | <b>5</b> |
| 1   | Cán bộ quản lý                        | 4          | 0          | 0                | 0        |
|     | Chia ra                               |            |            |                  |          |
|     | - Giám đốc đại học                    | 1          | 0          | 0                | 0        |

|   |                                             |     |     |    |   |
|---|---------------------------------------------|-----|-----|----|---|
|   | - Phó Giám đốc đại học                      | 3   | 0   | 0  | 0 |
|   | Trong đó:                                   |     |     |    |   |
|   | - Giáo sư                                   | 2   | 0   | 0  | 0 |
|   | - Phó giáo sư                               | 1   | 0   | 0  | 0 |
|   | - Kiêm nhiệm giảng dạy                      | 4   | 0   | 0  | 0 |
|   | Chia theo trình độ đào tạo                  |     |     |    |   |
|   | - Đại học                                   | 0   | 0   | 0  | 0 |
|   | - Thạc sĩ                                   | 0   | 0   | 0  | 0 |
|   | - Tiến sĩ và TSKH                           | 4   | 0   | 0  | 0 |
|   | - Khác                                      | 0   | 0   | 0  | 0 |
| 2 | Cán bộ hành chính, nghiệp vụ                | 271 | 142 | 1  | 1 |
|   | Trong đó                                    |     |     |    |   |
|   | - Giáo sư                                   | 2   | 0   | 0  | 0 |
|   | - Phó giáo sư                               | 9   | 2   | 0  | 0 |
|   | - Kiêm nhiệm giảng dạy                      | 250 | 129 | 1  | 1 |
|   | Chia theo trình độ đào tạo                  |     |     |    |   |
|   | - Cao đẳng                                  | 0   | 0   | 0  | 0 |
|   | - Đại học                                   | 117 | 64  | 1  | 1 |
|   | - Thạc sĩ                                   | 130 | 72  | 0  | 0 |
|   | - Tiến sĩ và TSKH                           | 23  | 5   | 0  | 0 |
|   | - Khác                                      | 1   | 1   | 0  | 0 |
| 3 | Nhân viên                                   | 96  | 38  | 0  | 0 |
|   | Trong đó                                    |     |     |    |   |
|   | - Nhân viên thư viện                        | 10  | 9   | 0  | 0 |
|   | - Nhân viên thiết bị, thí nghiệm            | 0   | 0   | 0  | 0 |
|   | - Nhân viên y tế                            | 4   | 4   | 0  | 0 |
|   | - Nhân viên khác hoặc kiêm nhiệm nhiều việc | 82  | 25  | 0  | 0 |
| 4 | Giảng viên cơ hữu                           | 583 | 269 | 10 | 4 |
|   | Trong đó:                                   |     |     |    |   |

|   |                                    |     |     |   |   |
|---|------------------------------------|-----|-----|---|---|
|   | - Giáo sư                          | 7   | 3   | 0 | 0 |
|   | - Phó giáo sư                      | 65  | 26  | 0 | 0 |
|   | Chia theo trình độ đào tạo         |     |     |   |   |
|   | - Đại học                          | 12  | 8   | 0 | 0 |
|   | - Thạc sĩ                          | 226 | 118 | 4 | 2 |
|   | - Tiến sĩ và TSKH                  | 345 | 143 | 6 | 2 |
|   | - Khác                             | 0   | 0   | 0 | 0 |
|   | Chia theo chức danh nghề           |     |     |   |   |
|   | - Giảng viên cao cấp (hạng I)      | 75  | 31  | 0 | 0 |
|   | - Giảng viên chính (hạng II)       | 111 | 53  | 1 | 0 |
|   | - Giảng viên (hạng III)            | 385 | 177 | 9 | 4 |
|   | - Trợ giảng                        | 12  | 8   | 0 | 0 |
|   | Chia theo độ tuổi                  |     |     |   |   |
|   | - <30 tuổi                         | 29  | 17  | 2 | 1 |
|   | - Từ 30 - 39 tuổi                  | 200 | 109 | 6 | 3 |
|   | - Từ 40 - 49 tuổi                  | 204 | 90  | 2 | 0 |
|   | - Từ 50 - 54 tuổi                  | 46  | 17  | 0 | 0 |
|   | - Từ 55 - 59 tuổi                  | 44  | 20  | 0 | 0 |
|   | - $\geq 60$ tuổi                   | 60  | 16  | 0 | 0 |
|   | Giảng viên nghỉ hưu trong năm học  | 7   | 1   | 0 | 0 |
|   | Giảng viên tuyển mới trong năm học | 38  | 18  | 0 | 0 |
| 5 | Giảng viên thỉnh giảng             | 231 | 64  | 4 | 0 |
|   | Trong đó:                          |     |     |   |   |
|   | - Giáo sư                          | 15  | 3   | 0 | 0 |
|   | - Phó giáo sư                      | 38  | 9   | 0 | 0 |
|   | Chia theo trình độ đào tạo         |     |     |   |   |
|   | - Đại học                          | 0   | 0   | 0 | 0 |
|   | - Thạc sĩ                          | 50  | 19  | 0 | 0 |
|   | - Tiến sĩ và TSKH                  | 181 | 45  | 4 | 0 |

|  |                                  |     |    |   |   |
|--|----------------------------------|-----|----|---|---|
|  | - Khác                           | 0   | 0  | 0 | 0 |
|  | Chia theo chức danh nghề         |     |    |   |   |
|  | - Giảng viên cao cấp (hạng I)    | 25  | 6  | 0 | 0 |
|  | - Giảng viên chính (hạng II)     | 5   | 4  | 0 | 0 |
|  | - Giảng viên (hạng III)          | 153 | 45 | 3 | 0 |
|  | - Các chức danh nghề nghiệp khác | 46  | 8  | 1 | 0 |
|  | Chia theo độ tuổi                |     |    |   |   |
|  | - <30 tuổi                       | 3   | 1  | 0 | 0 |
|  | - Từ 30 - 39 tuổi                | 42  | 15 | 1 | 0 |
|  | - Từ 40 - 49 tuổi                | 110 | 28 | 3 | 0 |
|  | - Từ 50 - 59 tuổi                | 50  | 15 | 0 | 0 |
|  | - $\geq 60$ tuổi                 | 26  | 5  | 0 | 0 |

*Số liệu theo báo cáo thống kê cơ sở giáo dục đại học trên HEMIS*

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Giới thiệu về cơ sở vật chất tại UEH: <https://ueh.edu.vn/gioi-thieu/co-so-vat-chat/>
2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử:  
<https://hotro.ueh.edu.vn/bai-viet/co-so-truc-thuoc-580>
3. Tham quan các cơ sở tại UEH: <https://virtualtour.ueh.edu.vn/>
4. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

| TT | Chỉ số đánh giá                              | Năm 2024 |
|----|----------------------------------------------|----------|
| 1  | Diện tích sàn/người học (m2)                 | 19.6     |
| 2  | Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt  | 73.95    |
| 3  | Số đầu sách/ngành đào tạo                    | 25130.58 |
| 4  | Số bản sách/người học                        | 3107.95  |
| 5  | Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến | 31.51    |
| 6  | Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)       | 154.2    |

*Số liệu theo báo cáo chuẩn giáo dục đại học trên HEMIS*

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CẤP CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CẤP CƠ SỞ GIÁO DỤC

<https://ueh.edu.vn/kiem-dinh-va-xep-hang/kiem-dinh>

<https://qaic.ueh.edu.vn/>

#### V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Cổng thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>
2. Đào tạo: <https://daotao.ueh.edu.vn/>
3. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

| Stt | Chỉ số đánh giá                                    | Năm 2024 |
|-----|----------------------------------------------------|----------|
| 1   | Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm                    | 80.6%    |
| 2   | Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm               | 59.4%    |
| 3   | Tỷ lệ thôi học                                     | -3.76%   |
| 4   | Tỷ lệ thôi học năm đầu                             | 3.72%    |
| 5   | Tỷ lệ tốt nghiệp                                   | 79.8%    |
| 6   | Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn                          | 74.6%    |
| 7   | Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên            | 90.1%    |
| 8   | Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể           | 94.1%    |
| 9   | Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn | 78.5%    |

*Số liệu theo báo cáo chuẩn giáo dục đại học trên HEMIS*

4. Quy mô đào tạo theo lĩnh vực

| Stt | Lĩnh vực đào tạo           | Đại học |      |      | Sau đại học |     | Tổng  |
|-----|----------------------------|---------|------|------|-------------|-----|-------|
|     |                            | CQ      | VLVH | ĐTTX | ThS         | TS  |       |
| 1   | Nhân văn                   | 890     | 242  | 0    | 0           | 0   | 1132  |
| 2   | Khoa học xã hội và hành vi | 1733    | 76   | 0    | 365         | 68  | 2242  |
| 3   | Báo chí và thông tin       | 231     | 0    | 0    | 0           | 0   | 231   |
| 4   | Kinh doanh và quản lý      | 21520   | 4470 | 0    | 4432        | 243 | 30665 |

|                |                                                 |              |             |          |             |            |              |
|----------------|-------------------------------------------------|--------------|-------------|----------|-------------|------------|--------------|
| 5              | Pháp luật                                       | 1032         | 263         | 0        | 398         | 33         | 1726         |
| 6              | Toán và thống kê                                | 141          | 0           | 0        | 0           | 10         | 151          |
| 7              | Máy tính và công nghệ thông tin                 | 1022         | 0           | 0        | 0           | 0          | 1022         |
| 8              | Công nghệ kỹ thuật                              | 601          | 130         | 0        | 0           | 0          | 731          |
| 9              | Kiến trúc và xây dựng                           | 296          | 0           | 0        | 0           | 0          | 296          |
| 10             | Nông, lâm nghiệp và thủy sản                    | 197          | 0           | 0        | 0           | 0          | 197          |
| 11             | Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân | 981          | 26          | 0        | 0           | 0          | 1007         |
| <b>Tổng số</b> |                                                 | <b>28644</b> | <b>5207</b> | <b>0</b> | <b>5195</b> | <b>354</b> | <b>39400</b> |

*Số liệu theo báo cáo chuẩn giáo dục đại học trên HEMIS*

## VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ:

### 1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

| TT | Chỉ số đánh giá                    | Năm 2024 |
|----|------------------------------------|----------|
| 1  | Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ    | 27.6%    |
| 2  | Số công bố khoa học/giảng viên     | 1.2%     |
| 3  | Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên | 1.3%     |

*Số liệu theo báo cáo chuẩn giáo dục đại học trên HEMIS*

### 2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

| TT | Đề tài nghiên cứu khoa học               | Số lượng                                     | Kinh phí thực hiện trong năm |
|----|------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------|
| 1  | Đề tài cấp Nhà nước                      | 4                                            | 3.196                        |
| 2  | Đề tài cấp bộ, tỉnh                      | 46                                           | 24.705                       |
| 3  | Đề tài cấp cơ sở                         | 97 (phê duyệt 2024)<br>50 (2023 chuyển tiếp) | 15.870                       |
| 4  | Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước) | -                                            | -                            |
| 5  | Đề tài hợp tác quốc tế                   | 10                                           | 4.614                        |

|  |                |            |               |
|--|----------------|------------|---------------|
|  | <b>Tổng số</b> | <b>207</b> | <b>48.385</b> |
|--|----------------|------------|---------------|

*Ban Nghiên cứu - Phát triển và Gắn kết toàn cầu và Ban Tài chính - Kế hoạch đầu tư cung cấp  
(thời điểm chốt dữ liệu 31/12/2024)*

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

| TT | Chỉ số thống kê                                                                                                         | Số lượng   | Hệ số | Quy đổi     |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------|-------------|
| 1  | Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích | 367        | 1.0   | 367         |
| 2  | Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực                                                                         | 530        | 1.5   | 795         |
| 3  | Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế       | 10         | 3.0   | 30          |
| 4  | Tổng số bằng độc quyền sáng chế                                                                                         | 0          | 5.0   | 0           |
|    | <b>Tổng số</b>                                                                                                          | <b>907</b> |       | <b>1192</b> |

*Số liệu theo báo cáo chuẩn giáo dục đại học trên HEMIS*

4. Các thông tin nghiên cứu khoa học của giảng viên UEH:

<https://rdge.ueh.edu.vn/giang-vien/>

**VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

| TT | Chỉ số đánh giá                    | Năm 2024 | Thực tế |
|----|------------------------------------|----------|---------|
| 1  | Biên độ hoạt động trung bình 3 năm | 20.05%   | Đạt     |
| 2  | Chỉ số tăng trưởng bền vững        | 18.4%    | Đạt     |

*Số liệu theo báo cáo chuẩn giáo dục đại học trên HEMIS*

2. Kết quả thu chi hoạt động

| TT        | Chỉ số thống kê                                       | 2024           | 2023           | 2022           | 2021          |
|-----------|-------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>A</b>  | <b>TỔNG THU HOẠT ĐỘNG</b>                             | <b>1887.06</b> | <b>1686.54</b> | <b>1422.16</b> | <b>960.6</b>  |
| <b>I</b>  | <b>Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư</b> | <b>0</b>       | <b>0</b>       | <b>0</b>       | <b>0</b>      |
| <b>II</b> | <b>Thu giáo dục và đào tạo</b>                        | <b>1343.30</b> | <b>1129.61</b> | <b>1040.44</b> | <b>689.36</b> |
| 1         | Học phí, lệ phí từ người học                          | 1281.10        | 1049.07        | 970.92         | 600           |
| 2         | Hợp đồng, tài trợ từ NSNN                             | 0              | 0              | 0              | 40            |

|            |                                                                 |                       |                       |                      |                     |
|------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|---------------------|
| 3          | Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài                                  | 1.20                  | 8.42                  | 12.22                | 20                  |
| 4          | Thu khác                                                        | 61.00                 | 72.12                 | 57.3                 | 29.36               |
| <b>III</b> | <b>Thu khoa học và công nghệ</b>                                | <b>520.85</b>         | <b>529.37</b>         | <b>374.47</b>        | <b>260.39</b>       |
| 1          | Hợp đồng, tài trợ từ NSNN                                       | 3.50                  | 2.76                  | 2.18                 | 6.15                |
| 2          | Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài                                  | 38.28                 | 26.94                 | 12.76                | 10.12               |
| 3          | Thu khác                                                        | 479.07                | 499.67                | 359.53               | 244.12              |
| IV         | Thu nhập khác (thu nhập ròng)                                   | <b>22.91</b>          | 27.56                 | 7.25                 | 10.85               |
|            | <i><b>Tổng nguồn thu học phí và hỗ trợ chi thường xuyên</b></i> | <i><b>1281.10</b></i> | <i><b>1049.07</b></i> | <i><b>970.92</b></i> | <i><b>600</b></i>   |
| <b>B</b>   | <b>TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG</b>                                       | <b>1459.74</b>        | <b>1331.88</b>        | <b>1188.86</b>       | <b>823.83</b>       |
| <b>I</b>   | <b>Chi lương, thu nhập</b>                                      | <b>617.86</b>         | <b>543.22</b>         | <b>482.08</b>        | <b>445.67</b>       |
| 1          | Chi lương, thu nhập của giảng viên                              | 370.47                | 366.62                | 322.14               | 292.31              |
| 2          | Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác                             | 247.39                | 176.6                 | 159.94               | 153.36              |
| <b>II</b>  | <b>Chi cơ sở vật chất và dịch vụ</b>                            | <b>751.62</b>         | <b>715.82</b>         | <b>647.49</b>        | <b>321.5</b>        |
| 1          | Chi cho đào tạo                                                 | 64.42                 | 60.92                 | 57.97                | 54.31               |
| 2          | Chi cho nghiên cứu                                              | 547.46                | 518.08                | 383.89               | 257.35              |
| 3          | Chi cho phát triển đội ngũ                                      | 5.90                  | 2.85                  | 1.38                 | 1.17                |
| 4          | Chi phí chung và chi khác                                       | 133.84                | 133.97                | 204.25               | 8.67                |
| <b>III</b> | <b>Chi hỗ trợ người học</b>                                     | <b>90.26</b>          | <b>72.84</b>          | <b>59.29</b>         | <b>56.66</b>        |
| 1          | Chi học bổng và hỗ trợ học tập                                  | 79.21                 | 62.61                 | 51.69                | 50.51               |
| 2          | Chi hoạt động nghiên cứu                                        | 3.62                  | 2.7                   | 1.35                 | 0.4                 |
| 3          | Chi hoạt động khác                                              | 7.43                  | 7.53                  | 6.25                 | 5.75                |
| <b>IV</b>  | <b>Chi khác</b>                                                 | <b>0</b>              | <b>0</b>              | <b>0</b>             | <b>0</b>            |
| <b>C</b>   | <b>CHÊNH LỆCH THU CHI</b>                                       | <b>427.32</b>         | <b>354.66</b>         | <b>233.3</b>         | <b>136.77</b>       |
|            | <i><b>Chênh lệch thu chi/Tổng thu</b></i>                       | <i><b>22.6</b></i>    | <i><b>21.03</b></i>   | <i><b>16.4</b></i>   | <i><b>14.24</b></i> |

Số liệu theo báo cáo chuẩn giáo dục đại học trên HEMIS

3. Các thông tin công khai dự toán thu chi: <https://tckt.ueh.edu.vn/TinTuc/?m=768>

## VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. UEH 4.0: <https://smarttech.ueh.edu.vn/>
2. UEH Future - For a more sustainable future: <https://future.ueh.edu.vn/>
3. Công hỗ trợ người học, viên chức, người lao động UEH: <https://hotro.ueh.edu.vn/>
4. Bản tin UEH: <https://news.ueh.edu.vn/>
5. Xếp hạng trong nước và quốc tế: <https://rdge.ueh.edu.vn/xep-hang/>

### Nơi nhận:

- Portal UEH;
- Lưu: VT, PTTCTL.

